

BẢNG GIÁ DỊCH TRUYỀN
(Áp dụng từ ngày 01/08/2022)

STT	NỘI DUNG	GIÁ TIỀN	
		Sự nghiệp	Dịch vụ
1	GLUCOSE 5% 500 ML	25,000	65,000
2	GLUCOSE 5% 250ml	25,000	65,000
3	GLUCOSE 10% 500 ML	25,000	65,000
4	GLUCOSE 10% 250ml	25,000	65,000
5	LACTAT RINGER 500ml	25,000	65,000
6	ACETATE RINGER 500ml	25,000	65,000
7	NaCL 0.9%	25,000	65,000
8	AMINOPLASMA 500ml		185,000
9	AMINOPLASMA 250ml	135,000	135,000
10	AMIPAREN 5% - 200ml	70,000	110,000
11	AMIPAREN 10% - 200ml	90,000	135,000
12	PERFALGAN 1g/lọ	60,000	
13	PARACETAMOLKABI	25,000	
14	SODIUM CHLORIDE 0,9% 500ml	25,000	65,000
15	GELOFUSINE	140,000	
16	CIPROBAY 200mg/100ml	300,000	
17	CIPROBAY 400mg/200ml	340,000	
18	METRONIDAZOL	25,000	
19	LACTAT RINGER/GLUCOZ 5% 500ml	35,000	65,000
20	NACL/GLUCOZ 5%	35,000	
21	PARACETACOL	50,000	
22	PARACETAMOL	55,000	
23	PARACETAMOL GES	60,000	
24	NUTRILEX	500,000	
25	TAVANIC 200mg/100ml	200,000	
26	REFORTAN SIOLUTION 6% (500ml)	180,000	
27	TETRA SPAN 6%	180,000	

STT	NỘI DUNG	GIÁ TIỀN	
		Sự nghiệp	Dịch vụ
28	LEFLOCIN 750mg/150ml	270,000	
29	JW-AMIGOLD 8.5%/250ml	80,000	100,000
30	AVELOX INJ 400mg/250ml	440,000	
31	REAMBERIN 400ml	183,000	190,000
32	CIPROFLOXACIN POLPHARMA	230,000	
33	CIPROBID 400mg/200ml	110,000	
34	CITOPCIN INJECTION 400mg/100ml	80,000	
35	MOXIFLOXACIN 400mg/250ml	350,000	
36	DÂY TRUYỀN DỊCH + KIM BƯỚM	20,000	20,000
37	DÂY TRUYỀN DỊCH	15,000	15,000
38	KIM LUỒN	20,000	20,000
39	VAT		20,000
40	SAT : - Thuốc Nội		30,000
	- Thuốc Ngoại		50,000
41	Tiền công truyền dịch (đối với truyền dịch mang vào từ ngoài)		50,000